TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H.BA VÌ – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 349 /2020/QĐST-HNGĐ	*Ba vì , ngày* 31 *tháng* 8 *năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 614/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1966

Trú tại: Thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội.

2/ *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Đ 1 , sinh năm 1965

Trú tại : Thôn Khánh Chúc Đồi, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội

3/ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Điền, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các điều 38, 43, 55,59 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các Đ sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có Đ sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ 1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các Đ sự cụ thể như sau:

2.1. Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ 1

2.2. Con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng Dương sinh ngày 23/3/1998. Cháu Dương đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Anh Đ và chị Đ 1 đều không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản riêng: Anh Đ và chị Đ 1 thống nhất và xác định tài sản là thửa đất diện tích 100m2 thửa 85^1 tờ bản đồ số 12 tại thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ cấp ngày 05/7/2007 số sổ 01795A là tài sản riêng của anh Đ do bà Nguyễn Thị Điền là chị gái anh Đ tặng cho riêng anh Đ.

Về đất ruộng: Chị Đ 1 xác định đất ruộng tiêu chuẩn của anh Đ không đòi hỏi tranh chấp và yêu cầu giải quyết.

2.4. Tài sản chung, công sức đóng góp: Anh Đ và chị Đ 1 thống nhất về tài sản chung vợ chồng có tổng trị giá tài sản là 1.184.880.000đ (*một tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) (theo như biên bản định giá ngày 21/02/2020). Cụ thể anh chị thỏa thuận như sau:

* Anh Đ được quản lý sử dụng và sở hữu những tài sản chung sau:

- Về đất: Giao anh Đ quản lý và sử dụng thửa đất diện tích 200m2 thửa số 54, tờ bản đồ số 12 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ ở thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội cấp ngày 17/5/2004 số sổ 01793 có trị giá 492.800.000đ.

- Các tài sản khác anh Đ được sở hữu:

+ 01 xe máy Wave anpha biển kiểm soát 29V1 – 41687 mang tên anh Nguyễn Văn Đ trị giá 15.000.000đ

+ 01 nhà hai tầng diện tích 217m2 trị giá 440.540.380đ

+ 01 bếp đổ mái bằng trị giá 33.481.500đ

+ 01 mái tôn che sân 42m2 trị giá 14.884.000đ

+ 01 mái tôn che giếng 28m2 trị giá 7.442.000đ

+ 01 chuồng gà diện tích 17,5m2 trị giá 4.997.000đ

+ 01 chuồng gà diện tích 20m2 trị giá 5.688.000đ

+ Diện tích xây dựng gạch ba vanh kè ao 37.500.000đ

+ 01 cổng trị giá 13.000.000đ

+ 01 gian quán lợp tôn trị giá 44.686.200đ

+ 01 tivi LG 40icnh cũ trị giá 5.000.000đ

+ 01 bộ máy vi tính trị giá 4.000.000đ

+ 01 nhà vệ sinh diện tích 9m2 trị giá 9.705.600đ

+ 01 quán xây dựng năm 2017 diện tích 39m2 trị giá 42.157.600đ

*Chị Đ 1 được sở hữu tài sản chung sau:

+ 01 xe máy AIRBLADE màu đen BKS 30M1 – 3383 mang tên Nguyễn Văn Đ trị giá 14.000.000đ.

* Thanh toán chênh lệch về tài sản: Anh Đ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản chung và công sức đóng góp cho chị Đ 1 số tiền 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*)

(Tổng giá trị tài sản anh Đ được hưởng sau khi trừ đi thanh toán chênh lệch giá trị tài sản và công sức đóng góp tài sản chung cho chị Đ 1 và phần tài sản chị Đ 1 được hưởng (1.184.880.000đ – 364.000.000đ) = 820.880.000đ (tám trăm hai mươi triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng))

* Ngoài ra các bên không yêu cầu xem xét giải quyết các tài sản gì khác.

2.5. Công nợ chung: Không có

2.6. Án phí: Anh Đ tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung 18.313.000đ *(mười tám triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng)*. Anh Đ đã nộp 3.550.000đ (*ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn và chia tài sản sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0009764 ngày 11/12/2019, nay anh Đ còn phải nộp tiếp 14.913.000đ *(mười bốn triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng)*.

Chị Đ 1 phải nộp 9.100.000đ (*chín triệu, một trăm nghìn đồng*) án phí dân sự chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Anh Đ chị Đ 1
- VKSND huyện Ba Vì
- UBND xã Phú Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Trung Thành